

Số: /TM-KSBT

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2025

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

**Gói dịch vụ: “Đánh giá giám sát giữa kỳ lĩnh vực công nhận phòng
kiểm nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 năm 2025”**

Kính gửi: Các đơn vị quan tâm có đủ năng lực

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thái Nguyên kính mời các đơn vị tham gia chào giá gói dịch vụ: “Đánh giá giám sát giữa kỳ lĩnh vực công nhận phòng kiểm nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 năm 2025” của cơ sở 2 Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên, danh mục cụ thể như sau:

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm).

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên đề nghị Quý đơn vị gửi bản báo giá theo các tiêu chí sau:

1. Hiệu lực báo giá: 01 bản báo giá chi tiết Thuê trọn gói dịch vụ: “Đánh giá giám sát giữa kỳ lĩnh vực công nhận phòng kiểm nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 năm 2025” của cơ sở 2 Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên, có giá trị trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày phát hành chào giá.

2. Thời gian và hình thức nộp báo giá:

Trước 15h00phút, ngày 20 tháng 11 năm 2025 theo các hình thức sau:

Bản scan gửi qua email: tochucytdp@gmail.com

Hoặc Bộ phận văn thư Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên.

Địa chỉ: Số 971, Đường Dương Tự Minh, Phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên.

Điện thoại liên hệ: 02083 858356

3. Giá cả: Bao gồm các loại thuế, phí và các chi phí phát sinh khác có liên quan đến việc cung cấp dịch vụ.

4. Thanh toán: Thanh toán 01 lần bằng hình thức chuyển khoản Việt Nam đồng sau khi 2 bên đã ký biên bản thanh lý hợp đồng và nhà cung cấp dịch vụ trình đầy đủ các giấy tờ gồm: Hoá đơn tài chính và các giấy tờ liên quan khác kèm theo.

5. Hình thức hợp đồng: Trọn gói

6. Thời gian thực hiện hợp đồng: 02 tháng kể từ ngày ký hợp đồng

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên trân trọng cảm ơn và mong nhận được sự hợp tác từ Quý đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, XN-CDHA-TDCN.

GIÁM ĐỐC**Hoàng Anh**

DANH MỤC DỊCH VỤ

(Kèm theo Thư mời số /TM-KSBT ngày tháng năm 2025 của
Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên)

TT	Nội dung, danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Đánh giá giám sát giữa kỳ lĩnh vực công nhận phòng kiểm nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 năm 2025	PTN	01	

Các tiêu chí và các phép thử được đánh giá chi tiết như sau:

TT	Tiêu chí/Tên phép thử	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo	Phương pháp thử	Tên sản phẩm, vật liệu được thử	Đơn vị tính	Số lượng
I	Các tiêu chí đánh giá					
	1. Tính khách quan (4.1) 2. Bảo mật (4.2) 3. Yêu cầu về cơ cấu (5) 4. Yêu cầu chung (6.1) 5. Nhân sự (6.2) 6. Cơ sở vật chất và điều kiện môi trường (6.3) 7. Thiết bị (6.4) 8. Liên kết chuẩn đo lường (6.5) 9. Sản phẩm và dịch vụ do bên ngoài cung cấp (6.6) 10. Xem xét yêu cầu, đề nghị thầu và hợp đồng (7.1) 11. Lựa chọn, kiểm tra xác nhận và xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp (7.2) 12. Lấy mẫu (7.3) 13. Xử lý đối tượng thử nghiệm hoặc hiệu chuẩn (7.4) 14. Hồ sơ kỹ thuật (7.5) 15. Đánh giá độ không đảm bảo đo (7.6) 16. Đảm bảo giá trị sử dụng của kết quả (7.7) 17. Báo cáo kết quả (7.8) 18. Khiếu nại (7.9) 19. Công việc không phù hợp (7.10)					29

	20. Kiểm soát dữ liệu – Quản lý thông tin (7.11) 21. Lựa chọn A (8.1) 22. Tài liệu hệ thống quản lý (lựa chọn A) (8.2) 23. Kiểm soát tài liệu hệ thống quản lý (lựa chọn A) (8.3) 24. Kiểm soát hồ sơ (lựa chọn A) (8.4) 25. Hành động để giải quyết rủi ro và cơ hội (lựa chọn A) (8.5) 26. Cải tiến (lựa chọn A) (8.6) 27. Hành động khắc phục (lựa chọn A) (8.7) 28. Đánh giá nội bộ (lựa chọn A) (8.8) 29. Xem xét của lãnh đạo (lựa chọn A) (8.9)					
II	Lĩnh vực đánh giá: Hóa (09 chỉ tiêu)					
1.	Xác định độ pH	2 ~12	TCVN 6492:2011	Nước sạch	Chỉ tiêu	09
2.	Xác định chỉ số pecmanganat Phương pháp chuẩn độ	1 mg O ₂ /L	TCVN 6186:1996			
3.	Xác định tổng Canxi và Magie Phương pháp chuẩn độ EDTA	5 mg/L	TCVN 6224:1996			
4.	Xác định hàm lượng Clorua Phương pháp chuẩn độ bạc nitrat với chỉ thị cromat	5 mg/L	TCVN 6194:1996			
5.	Xác định hàm lượng Clo tổng số Phương pháp chuẩn độ iot	0,75 mg/L	TCVN 6225-3:2011	Nước sạch, Nước đá dùng liền		
6.	Xác định độ ẩm Phương pháp sấy	-	TCVN 4069:2009	Bánh nướng kẹo		
		-	TCVN 7879:2008	Miến		
		-	TCVN 10918:2015	Nấm hương khô		
7.	Xác định hàm lượng methanol Phương pháp so màu	0,01%	TCVN 8010:2009	Rượu chưng cất		

8.	Xác định hàm lượng Acid Phương pháp chuẩn độ	0,2 %	TCVN 4073:2009	Kẹo		
9.	Xác định hàm lượng Acid Phương pháp chuẩn độ	0,2 %	TCVN 5564:2009	Bia		
II Lĩnh vực đánh giá: Sinh (08 chỉ tiêu)						
1.	Định lượng khuẩn đường ruột (<i>Streptococci feacal</i>) Phương pháp màng lọc	-	TCVN 6189-2:2009	Nước sạch, nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên đóng chai và đá thực phẩm	Chỉ tiêu	08
2.	Định lượng bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sunphit (<i>Clostridia</i>) Phương pháp màng lọc	-	TCVN 6191-2:1996			
3.	Định lượng <i>Pseudomonas aeruginosa</i> Phương pháp màng lọc	-	TCVN 8881:2011			
4.	Định lượng Coliforms và <i>Escherichia coli</i> Phương pháp màng lọc	-	TCVN 6187-1:2019			
5.	Định lượng Coliform Kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất	-	TCVN 4882:2007	Thực phẩm và thực phẩm bảo vệ sức khỏe		
6.	Định lượng <i>Escherichia coli</i> giả định Kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất	-	TCVN 6846:2007			
7.	Định lượng vi sinh vật Đếm khuẩn lạc ở 30°C bằng kỹ thuật đổ đĩa	-	TCVN 4884-1:2015			
8.	Định lượng Staphilococci có phản ứng dương tính coagulase (<i>Staphylococcus aureus</i> và các loài khác) Kỹ thuật sử dụng môi trường thạch Baird-Parker	-	TCVN 4830-1:2005			